Bài kiểm câu Bổ từ

Dương Đình Hỷ

Câu bổ từ là câu có dạng V-C hoặc là A-C, mà V là động từ, C là bổ từ. A là tĩnh từ và C là bổ từ.

Thí dụ : 洗 干 竫
Tẩy can tĩnh
Rửa sạch.

Thí dụ : 高 得 很
Cao đắc ngận
Cao nhiều.

I- Gạch dưới các câu bổ từ và nói nhiệm vụ của nó trong câu :

1/ 說 清 楚 就 行 了
<u>Thuyết thanh sở</u> tựu hành liễu
Nói rõ là được rồi. (chủ từ)

2/ 起 得 太 早 也 不 好
<u>Khởi đắc thái tảo</u> dã bất hảo
Dậy quá sớm cũng không tốt. (chủ từ)

3/ 我 覺 得 累 極 了
Ngã giác đắc <u>lụy cực liễu</u>
Tôi cảm thấy mệt lắm. (túc từ)

4/ 今 天 我 看 抄 不 完

Kim thiên ngã khán sao bất hoàn
Hôm nay tôi thấy chép không hết. (túc từ)

5/ 來 得 晚 的 人 坐 後 邊

Lai đắc vãn đích nhân tọa hậu biên
Người đến muộn ngồi phía sau. (định từ)

6/ 這 是 借 來 的 雜 誌

Giá thị tá lai đích tạp chí
Đây là tạp chí mượn về. (định từ)

7/ 我 唱 得 好 極 了

Ngã xướng đắc hảo cực liễu
Tôi hát rất hay. (bổ từ)

8/ 我 寫 得 快 得 很

Ngã tả đắc khoái đắc ngận
Tôi viết rất nhanh. (bổ từ)

II- Dịch ra tiếng Tầu và chỉ rõ nhiệm vụ của các bổ từ :

1/ Tôi nhìn rõ lắm.
Ngã khán đắc thanh sở cực liễu. (túc từ)

2/ Nghỉ ngơi một ngày là đủ rồi.
Hưu tức nhất thiên câu liễu. (chủ từ)

3/ Ăn quá no đối với bao tử không tốt.
Ngật thái bão đối vị bất hảo. (chủ từ)

4/ Tôi tin rằng học là hiểu.
Ngã tương tín học đắc hiểu. (túc từ)

5/ Tôi cảm thấy rất hạnh phúc.
Ngã cảm đáo hạnh phúc đắc ngận. (túc từ)

6/ Tôi nói bảo tồn không được tốt.
Ngã thuyết bảo tồn đắc bất hảo. (túc từ)

7/ Tôi chạy rất nhanh.
Ngã bào đắc khoái đắc ngận. (túc từ)

8/ Chỉnh lý tư liệu tốt đều tại chỗ này.
Chỉnh lý hảo đích tư liệu đô tại giá nhi. (định từ)

9/ Ngủ muộn quá ảnh hưởng đến sức khỏe.
Miên đắc thái vãn hội ảnh hưởng kiện đường. (chủ từ)

10/ Tôi định đi hai lần.
Ngã kế hoạch khứ lưỡng thứ. (định từ)

III- Chỉ ra những bổ từ bằng cách gạch dưới :

1/ 容 易 極 了
Dung dị <u>cực</u> liễu
Dễ dàng lắm.

2/ 安 全 得 很
An toàn đắc <u>ngận</u>.
Rất an toàn.

3/ 安 排 妥 當
An bài <u>thỏa đương</u>.

Sắp đặt thỏa đáng.

4/ 跳 得 高

Khiêu đắc cao
Nhẩy được cao.

5/ 喝 一 天

Hát nhất thiên
Uống một ngày ; uống cả ngày.

6/ 打 傷

Đả thương
Đả thương.

7/ 快 多 了

Khoái đa liễu
Nhanh lắm.

8/ 高 多 了

Cao đa liễu
Cao lắm.

9/ 多 多 了

Đa đa liễu
Nhiều lắm.

10/ 可 惜 得 很

Khả tích đắc ngân
Đáng tiếc nhiều.

IV- ***Nói tại sao các câu sau lại sai*** :

1/ 我 跑 快 得 很

Ngã bào khoái đắc ngận
Tôi chạy nhanh lắm.

Phải nói : *Ngã bào đắc khoái đắc ngận.*

2/ 那 是 借 來 雜 誌

Na thị tá lai tạp chí
Đó là tạp chí mượn về.

Phải nói : *Na thị tá lai đích tạp chí*.

3/ 我 覺 累 極 了

Ngã giác lụy cực liễu
Tôi cảm thấy mệt lắm.

Phải nói : *Ngã giác đắc lụy cực liễu*.